

## THÔNG TƯ

**Của Bộ Tài chính số 134/1998-TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm với dự án bảo vệ rừng và phát triển nông thôn**

**Căn cứ:**

Hiệp định tín dụng Phát triển ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) ngày 8/11/1997 về dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn;

Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế ký ngày 8/11/1997 về khoản đồng tài trợ của Chính phủ Hà Lan uỷ thác qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế để thực hiện dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn;

Nghị định số 87/CP ngày 5/8/1997 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Nghị định số 42/CP ngày 16/7/1996 và 92/CP ngày 23/8/1997 của Chính phủ ban hành và sửa đổi điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 43/CP ngày 16/7/1996 và 93/CP ngày 23/8/1997 của Chính phủ ban hành và sửa đổi quy chế đấu thầu; Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập và chấp hành quyết toán ngân sách Nhà nước và các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Nghị định.

Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Thông tư Liên tịch số 81/1998/TTLT/BTC/NHNN ngày 17/6/1998 của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn quy trình, thủ tục và quản lý việc rút vốn đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức;

Quyết định số 693/TTg ngày 27/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn;

Sau khi thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng các nguồn vốn cho dự án như sau:

**PHẦN I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Cơ quan chủ dự án là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN PTNT). Để triển khai dự án và phối hợp các hoạt động thực hiện dự án Bộ NN PTNT thành lập Ban Quản lý dự án Trung ương.

1.2. Ban Quản lý dự án tỉnh là một trong các Ban Quản lý dự án tỉnh (5 tỉnh) và vùng được bảo vệ (1 vùng) có quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong các quyết định thành lập Ban quản lý dự án của Bộ NN PTNT.

1.3. IDA là Hiệp hội Phát triển Quốc tế.

1.4. Dự án là dự án Bảo vệ rừng và Phát triển nông thôn theo quyết định số 693/TTg ngày 27/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Vốn vay là nguồn vốn IDA cho Chính phủ Việt Nam vay theo Hiệp định Tín dụng phát triển số 2996-VN ký ngày 8/11/1997 cho dự án. 1.6. Vốn viện trợ là nguồn vốn Chính phủ Hà Lan viện trợ không hoàn lại cho Chính phủ Việt Nam theo Hiệp định viện trợ số TF 021604 ký ngày 8/11/1997 cho dự án. Vốn viện trợ này được uỷ thác tại IDA, và được giải ngân từ IDA.

- 1.7. Các Hiệp định là Hiệp định Tín dụng Phát triển số 2996-VN và Hiệp định Viện trợ không hoàn lại số TF 021604 ký giữa Chính phủ Việt Nam và IDA ngày 8/11/1997 cho dự án.
- 1.8. Vốn đối ứng là nguồn vốn đóng góp của Chính phủ Việt Nam trong dự án, được bố trí trong kế hoạch vốn đầu tư XDCB hàng năm giao cho Bộ NN PTNT. Nguồn vốn này được Ngân sách Trung ương cấp phát cho Bộ NN PTNT để thực thi dự án.
- 1.9. Ngân hàng phục vụ là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Ngân hàng NN PTNT).
- 1.10. Tài khoản đặc biệt: Là tài khoản dự án (Ban Quản lý dự án Trung ương) mở tại Ngân hàng NN PTNT để tiếp nhận vốn vay/vốn viện trợ chuyển từ IDA.
- 1.11. Tài khoản cấp phát vốn: Là tài khoản các Ban quản lý dự án mở tại các Cục Đầu tư phát triển tỉnh để theo dõi việc sử dụng vốn vay, vốn viện trợ và vốn đối ứng cấp phát cho dự án.
- 1.12. Đồng tiền của Tài khoản đặc biệt: là đồng USD.
- 1.13. Đồng tiền của tài khoản cấp phát vốn: là đồng Việt Nam.

## **PHẦN II. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

### **I. CÁC NGUỒN VỐN TÀI TRỢ**

1. Dự án được tài trợ bằng các nguồn vốn sau:
- 1.1. Vốn vay IDA;
- 1.2. Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hà Lan uỷ thác qua IDA
- 1.3. Vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.

### **II. NỘI DUNG CHI CỦA CÁC NGUỒN VỐN CHO DỰ ÁN:**

#### **2.1. Nguồn vốn vay IDA**

Giao đất

Chương trình hỗ trợ xã hội - Dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp

Quản lý rừng vùng đệm

Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn

Quản lý dự án và tăng cường tổ chức

#### **2.2. Nguồn vốn viện trợ**

Quản lý vùng rừng được bảo vệ

Kế hoạch cộng đồng

Quản lý dự án và tăng cường tổ chức

#### **2.3. Nguồn vốn đối ứng:**

Quản lý vùng rừng được bảo vệ

Kế hoạch cộng đồng

Giao đất

Chương trình hỗ trợ xã hội

Dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp

Quản lý rừng vùng đệm

Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn

Quản lý dự án và tăng cường tổ chức.

- 2.4. Các nguồn vốn vay của IDA, vốn viện trợ của Chính phủ Hà Lan là nguồn thu Ngân sách Nhà nước của Chính phủ Việt Nam. Bộ Tài chính có trách nhiệm thu vào NSNN và thông qua hệ thống Tổng cục Đầu tư Phát triển cấp phát cho Bộ NN PTNT để thực hiện dự án đã được phê duyệt, và theo dõi quản lý khoản vay, trả nợ khi đến hạn (cả gốc và lãi).
- 2.5. Cục Đầu tư Phát triển nơi cấp phát cho dự án có trách nhiệm thực hiện việc quản lý tài chính, kiểm tra, xác nhận khối lượng thực hiện đồng thời cấp phát vốn trực tiếp cho dự án.
- 2.6. Dự án được cấp vốn từ hai nguồn, vốn trong nước và vốn ngoài nước. Việc cấp vốn trong nước thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Vốn ngoài nước được cấp theo các quy định của Thông tư này, phù hợp với các quy định trong nước và của nhà tài trợ.
- 2.7. Bộ NN PTNT có trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích và nội dung dự án được duyệt phù hợp với các điều kiện đã cam kết trong Hiệp định vay, Hiệp định viện trợ và các văn bản liên quan kèm theo các Hiệp định.
- 2.8. Bộ NN PTNT có trách nhiệm quản lý giám sát các tài sản của dự án, của Ban Quản lý dự án theo chế độ hiện hành của Nhà nước.
- 2.9. Ngân hàng NN PTNT có trách nhiệm phục vụ việc rút vốn từ IDA để thanh toán cho dự án khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính. Trong quá trình thực hiện rút vốn vay Ngân hàng NN PTNT được hưởng phí dịch vụ theo từng lần rút vốn (gồm phí mở L/C, phí gửi chứng từ, điện tín, fax...) theo quyết định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về thu phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng. Khoản phí dịch vụ nói trên được tính vào tổng chi phí của dự án.

### **PHẦN III. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **I. MỞ TÀI KHOẢN:**

- 1.1. Tại Ngân hàng NN PTNT, Ban Quản lý dự án Trung ương mở 2 Tài khoản Đặc biệt, một do nguồn vốn IDA và 1 cho nguồn vốn Hà Lan (sau đây gọi chung là Tài khoản Đặc biệt).
- 1.2. Tại Cục Đầu tư Phát triển Hà Nội, Ban Quản lý dự án Trung ương mở Tài khoản cấp phát vốn để theo dõi việc sử dụng các nguồn vốn cấp phát cho dự án.
- 1.3. Tại Cục Đầu tư Phát triển địa phương, Ban Quản lý dự án tỉnh mở Tài khoản cấp phát vốn để tiếp nhận vốn đối ứng và theo dõi vốn nước ngoài cấp phát cho dự án tại tỉnh.

#### **II. LẬP VÀ ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH VỐN CHO DỰ ÁN**

- 2.1. Hàng năm, căn cứ vào các quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; căn cứ các chế độ, định mức chi được quy định đối với dự án, Ban Quản lý dự án Trung ương xây dựng dự toán ngân sách năm kế hoạch của dự án trình Bộ NN PTNT tổng hợp vào dự toán ngân sách năm (ĐTXDCB) của Bộ, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách Nhà nước trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt.
- 2.2. Nội dung kế hoạch vốn dự án cần thể hiện chi tiết các công việc sẽ được thực hiện, nguồn vốn vay và viện trợ, tiến độ rút vốn vay và viện trợ và vốn đối ứng cần thiết cho từng hạng mục của dự án.
- 2.3. Căn cứ vào dự toán ngân sách năm được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ NN PTNT phân bổ vốn cho dự án và thông báo cho Ban Quản lý dự án Trung ương.
- Sau khi được Bộ NN PTNT thông báo, Ban Quản lý dự án Trung ương xây dựng dự toán chi tiết phù hợp với thông báo kế hoạch trình Bộ NN PTNT phê duyệt.

Căn cứ vào dự toán ngân sách chi tiết năm của dự án đã được Bộ NN PTNT phê duyệt, Ban Quản lý dự án Trung ương lập kế hoạch rút vốn. Nội dung kế hoạch rút vốn được chi tiết theo quý, theo từng nội dung công việc và theo từng nguồn vốn tài trợ kể cả vốn đối ứng, trong đó phải lập kế hoạch riêng cho các hạng mục được thanh toán theo hình thức Tài khoản Đặc biệt. Kế hoạch này phải được đăng ký với Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) đồng gửi cho các cơ quan liên quan (Tổng cục Đầu tư, Ngân hàng NN PTNT).

Trên cơ sở kế hoạch rút vốn năm đã đăng ký, hàng quý Ban Quản lý dự án Trung ương lập kế hoạch rút vốn quý qua Tài khoản Đặc biệt gửi Bộ Tài chính (Tổng cục Đầu tư phát triển) để xem xét, phê duyệt. Kế hoạch này phải được chi tiết theo nội dung công việc và tỷ lệ tài trợ của từng nguồn vốn (vốn vay, vốn viện trợ).

Trong kế hoạch đăng ký với Bộ Tài chính cần nêu rõ các hoạt động và số vốn do cấp Trung ương thực hiện và các hoạt động và vốn do từng cấp địa phương thực hiện.

Biểu mẫu đăng ký kế hoạch theo mẫu quy định tại Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước số 81/1998/TC-NH ngày 17/6/1998 hướng dẫn quy trình, thủ tục và quản lý việc rút vốn đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức.

2.4. Dự toán ngân sách được duyệt của dự án được Tổng cục Đầu tư Phát triển thông báo cho các Cục Đầu tư Phát triển địa phương liên quan để theo dõi việc sử dụng vốn và cấp phát vốn của dự án.

### III. NGUYÊN TẮC CẤP PHÁT, ĐỊNH MỨC, ĐƠN GIÁ THANH TOÁN TRONG VIỆC SỬ DỤNG VỐN VAY, VỐN VIỆN TRỢ, VỐN ĐỐI ỨNG

#### 3.1. Nguyên tắc cấp phát:

##### 3.1.1. Đối với đầu tư lâm sinh:

Khoanh nuôi bảo vệ rừng được cấp phát hàng tháng

Trồng rừng được cấp phát thanh toán theo từng giai đoạn kỹ thuật hợp lý, bao gồm:

Chuẩn bị giống, phân bón và các điều kiện để trồng rừng.

Thực hiện trồng rừng

Chăm sóc và bảo vệ năm thứ nhất

Việc cấp phát được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 661/QĐ/TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ, dự án được ứng trước 30% dự toán được duyệt. Khi chủ dự án thực hiện đạt tiến độ 50% được ứng tiếp 40%. Cuối năm sau khi có biên bản nghiệm thu được phê duyệt, Cục Đầu tư Phát triển thanh toán khối lượng còn lại của dự toán.

3.1.2. Đối với vốn đầu tư hạ tầng, phúc lợi công cộng được quản lý cấp phát theo điều lệ quản lý ĐTXDCB hiện hành.

##### 3.1.3. Đối với vốn mang tính chất sự nghiệp:

Tiền chi phí Ban Quản lý dự án, khuyến nông khuyến lâm thực hiện cấp tạm ứng hàng tháng: Hết tháng, đơn vị ứng tiền có trách nhiệm thanh toán với Cục Đầu tư Phát triển số tiền đã ứng theo đúng dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các chế độ hiện hành của Nhà nước. Sau khi kiểm tra việc thanh toán nói trên, Cục Đầu tư Phát triển ứng tiếp tiền chi phí của tháng sau.

Tiền chi cho công tác di, dân của dự án được cấp phát theo thực tế số hộ di dân đến vùng dự án nằm trong kế hoạch năm được duyệt. Các Ban Quản lý dự án được Cục Đầu tư Phát triển ứng trước 50% tiền được duyệt cho từng đợt di dân. Sau khi hoàn thành đợt di, dân, các Ban Quản lý dự án có trách nhiệm lập hồ sơ thanh toán có xác nhận của cơ quan di dân tỉnh để cấp phát số tiền còn lại theo chế độ quy định.

#### 3.2. Định mức, đơn giá thanh toán

##### 3.2.1. Đào tạo, hội thảo trong nước:

Mức chi bình quân không quá 200 USD/người/tuần (bao gồm chi tài liệu, ăn ở, báo cáo viên...).

##### 3.2.2. Đào tạo huấn luyện ngoài nước:

Mức chi cho cán bộ tham gia đào tạo, huấn luyện ngoài nước được áp dụng theo Thông tư số 32 TC/TCĐN ngày 21/4/1995 và Thông tư số 44 TC/TCĐN ngày 21/5/1994 của Bộ Tài chính.

### 3.2.3. Chỉ cho chuyên gia tư vấn:

Việc tuyển chọn chuyên gia cần thực hiện theo các quy định trong nước (Nghị định 43/CP, Nghị định 93/CP) và quy định của các nhà tài trợ. Hồ sơ chuyên gia tư vấn (ngoài nước và trong nước) phải được Bộ NN PTNT phê duyệt chính thức bằng văn bản.

Chuyên gia tư vấn trong nước: các chuyên gia tư vấn trong nước cần phải được tuyển chọn chặt chẽ căn cứ vào các yêu cầu cụ thể của dự án, chuyên môn nghiệp vụ của chuyên gia và các quy định về tuyển chọn chuyên gia tư vấn hiện hành. Mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước được hưởng không quá 500 USD/tháng.

3.2.4. Đối với các khối lượng XDCB: áp dụng các định mức, đơn giá XDCB hiện hành.

3.2.5. Đối với các khối lượng về lâm sinh như trồng, chăm sóc bảo vệ rừng được áp dụng theo các định mức của Nhà nước như đối với các dự án thuộc chương trình 5 triệu ha rừng (theo Quyết định số 661/QĐ/TTg ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ) và được điều chỉnh tùy từng thời điểm.

3.2.6. Đối với các khối lượng công việc khác thực hiện theo các quy định hiện hành.

3.2.7. Trường hợp chưa có định mức, đơn giá, áp dụng định mức do Bộ NN PTNT phê duyệt đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng liên quan khác.

## IV. LUÂN CHUYỂN VỐN NGOÀI NƯỚC GIỮA CÁC CẤP

### 4.1. Rút vốn từ IDA để thanh toán trực tiếp và thủ tục cam kết đặc biệt:

Thủ tục này được thực hiện ở cấp Trung ương.

Căn cứ yêu cầu thanh toán của người cung cấp hàng hoá, dịch vụ, trên cơ sở kiểm tra, xác nhận yêu cầu đã đủ điều kiện thanh toán, Ban Quản lý dự án Trung ương chuẩn bị đơn xin rút từ tài khoản vay, viện trợ và các tài liệu cần thiết để gửi Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại). Hồ sơ thanh toán gồm:

Đơn xin rút vốn theo mẫu - Công văn đề nghị rút vốn

Bản sao hợp đồng mua sắm hàng hoá thiết bị (chỉ gửi 1 lần)

Bản sao hợp đồng chuyên gia tư vấn (chỉ gửi 1 lần)

Bản sao hợp đồng kinh tế khác (chỉ gửi 1 lần)

Các tài liệu chứng minh hợp đồng hợp lệ (văn bản phê chuẩn hợp đồng của Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ, ý kiến của IDA hoặc kết quả xét thầu đối với hợp đồng xây dựng và mua sắm hàng hoá trên 150.000 USD và hợp đồng thuê chuyên gia có giá trị trên 100.000 USD đối với công ty và trên 50.000 USD đối với cá nhân) (chỉ gửi 1 lần).

Bảo lãnh ngân hàng (Bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng) trong trường hợp tạm ứng theo hợp đồng.

Bản sao vận đơn (trường hợp thanh toán trực tiếp giá trị hàng hoá) hoặc Biên bản nghiệm thu.

Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ rút vốn hợp lệ, Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) xem xét kiểm tra và có ý kiến bằng văn bản gửi Ban Quản lý dự án Trung ương và Ngân hàng NN PTNT.

Trên cơ sở ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính, trong thời gian tối đa 2 ngày làm việc, Ngân hàng NN PTNT phối hợp với Ban Quản lý dự án Trung ương ký đơn xin rút vốn gửi IDA để thanh toán cho người thụ hưởng (nhà thầu, nhà cung cấp).

Sau khi nhận được thông báo của IDA về việc đã thanh toán theo đơn rút vốn, Ban Quản lý dự án Trung ương có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) để làm thủ tục hạch toán ngân sách (ghi thu vay nợ, viện trợ; ghi chi cho Bộ NN PTNT).

Việc luân chuyển chứng từ và mối quan hệ giữa các cơ quan trong thanh toán trực tiếp và cam kết đặc biệt được thể hiện trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

### 4.2. Rút vốn về Tài khoản Đặc biệt

Việc rút vốn lần đầu về Tài khoản đặc biệt được thực hiện trên cơ sở các Hiệp định đã có hiệu lực, dự toán ngân sách hàng năm được duyệt và kế hoạch rút vốn đã được đăng ký của dự án.